

Số: 05/QĐ - LVT

Quận 7, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 4/2024
của Trường Tiểu học Lê Văn Tám**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 174/QĐ-UB-TC ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc thành lập Trường Tiểu học Lê Văn Tám;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận 7 về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3103 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4/2024 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Lê Văn Tám chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử (Công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Tiểu Quỳnh

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Theo quyết định số 05/LVT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Trường Tiểu học Lê Văn Tám về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý 4/2024)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Lê Văn Tám công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2024 như sau:

ĐV tính: *Ngàn đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ:				
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	25.811.298	11.792.395	90%	8520%
1	Thu sự nghiệp:	16.122.584	7.669.083	48%	3191%
1.1	- Tiếng anh tăng cường	234.600	172	0%	0%
1.2	- Giáo dục kỹ năng sống	442.080	157.520	36%	66%
1.3	- Tổ chức học hai buổi/ ngày	130.780		0%	0%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.4	- Tin học	72.725		0%	0%
1.5	- Năng khiếu	424.520	140.040	33%	58%
1.6	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.334.373	1.054.193	45%	111%
1.7	- Tin học quốc tế	573.600	262.575	46%	1002%
1.8	- Anh văn bản ngữ	30.430		0%	0%
1.9	- Tích hợp	1.107.113	654.614	59%	361%
1.10	- Stem	442.000	157.520	36%	66%
1.11	- Lớp học Tiên tiến hội nhập QT	7.481.550	4.210.950	56%	156%
1.12	- Chương trình Toán - Khoa	2.410.500	804.500	33%	59%
1.13	- Tiền bơi	136.113	89	0%	0%
1.14	- Tiền điện máy lạnh	181.900	115.850	64%	#DIV/0!
1.15	- Tiền sổ liên lạc điện tử	96.300	97.200	101%	#DIV/0!
1.16	- Tiền tổ chức học trực tuyến trên nền tảng Onluyen.vn	24.000	13.860	58%	#DIV/0!
2	Thu tài chính	10.000	2.270	23%	0%
2.1	- Lãi ngân hàng	10.000	2.270	23%	197083%
3	Thu hộ:	9.678.714	4.121.042	43%	5329%
3.1	- Tiền ăn bán trú	7.963.200	2.955.085	37%	89%
3.2	- Tiền nước uống	170.640	70.797	41%	92%
3.3	- Tiền học phẩm	64.700	53.800	83%	99%
3.4	- Tiền điện máy lạnh	291.150		0%	0%
3.5	- Tiền BHYT	728.522	746.870	103%	110%
3.6	- Tiền sổ liên lạc điện tử	96.840		0%	0%
3.7	- Thiết bị, vật dụng bán trú	181.900	181.390	100%	200%
3.8	- Tiền phụ huynh chuyển nhầm	-		#DIV/0!	#DIV/0!
3.9	- Khen thưởng TP, Quận	28.800		0%	#DIV/0!
3.10	- Thu khác (Thu lại tiền do đơn vị hoàn lại tiền)	15.477		0%	#DIV/0!
3.11	- Tiền miễn giảm học phí 2 buổi	40.585	16.200	40%	52%
3.12	- Tiếng anh chuẩn đầu ra quốc tế	96.900	96.900	100%	#DIV/0!
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	25.811.298	9.516.998	37%	4024%
I	Chi sự nghiệp:	16.122.584	5.968.204	37%	2523%
1.1	- Tiếng anh tăng cường	234.600	21.938	9%	9%
1.2	- Giáo dục kỹ năng sống	442.080	110.667	25%	45%
1.3	- Tổ chức học hai buổi/ ngày	130.780	14.959	11%	14%
1.4	- Tin học	72.725	23.519	32%	35%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.5	- Năng khiếu	424.520	170.770	40%	60%
1.6	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.334.373	859.874	37%	90%
1.7	- Tin học quốc tế	573.600	286.946	50%	109%
1.8	- Anh văn bản ngữ	30.430	609	2%	2%
1.9	- Tích hợp	1.107.113	56.334	5%	2%
1.10	- Stem	442.000	81.063	18%	33%
1.11	- Lớp học Tiên tiến hội nhập QT	7.481.550	3.424.098	46%	99%
1.12	- Chương trình Toán - Khoa	2.410.500	768.312	32%	55%
1.13	- Tiền bơi	136.113		0%	0%
1.14	- Tiền điện máy lạnh	181.900	40.629	22%	#DIV/0!
1.15	- Tiền sổ liên lạc điện tử	96.300	94.903	99%	#DIV/0!
1.16	- Tiền tổ chức học trực tuyến trên nền tảng Onluyen.vn	24.000	13.583	57%	#DIV/0!
2	Chi từ nguồn thu tài chính	10.000	10	0%	0%
2.1	- Lãi ngân hàng	10.000	10	0%	0%
3	Chi hộ:	9.678.714	3.548.784	37%	5087%
3.1	- Tiền ăn bán trú	7.963.200	2.333.606	29%	71%
3.2	- Tiền nước uống	170.640	68.968	40%	99%
3.3	- Tiền học phẩm	64.700	10.860	17%	169%
3.4	- Tiền điện máy lạnh	291.150	65.749	23%	66%
3.5	- Tiền BHYT	728.522	916.187	126%	120%
3.6	- Tiền sổ liên lạc điện tử	96.840		0%	0%
3.7	- Thiết bị, vật dụng bán trú	181.900	40.314	22%	45%
3.8	- Tiền phụ huynh chuyển nhầm	-		#DIV/0!	#DIV/0!
3.9	- Khen thưởng TP, Quận	28.800		0%	0%
3.10	- Thu khác (Thu lại tiền do đơn vị hoàn lại tiền)	15.477		0%	#DIV/0!
3.11	- Tiền miễn giảm học phí 2 buổi	40.585	16.200	40%	40%
3.12	- Tiếng anh chuẩn đầu ra quốc tế	96.900	96.900	100%	#DIV/0!
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	20.303.446	6.380.797	31%	235%
3.1	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ	13.980.555	3.288.125	24%	184%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Kinh phí thường xuyên (nguồn 13): Kinh phí chi trả lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, các khoản chi hoạt động	7.356.555	2.190.720	30%	122%
	- Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14): Kinh phí thực hiện chênh lệch lương cơ sở	6.624.000	1.097.405	17%	#DIV/0!
3.2	Kinh phí chi thường xuyên không thực hiện chế độ tự chủ	6.094.723	3.092.672	51%	333%
	Kinh phí thực hiện lương dạy thêm giờ phụ cấp GV dạy HS khuyết tật, hỗ trợ viên chức làm công tác y tế, bồi dưỡng GV dạy thể dục, các khoản chi theo quy định (nguồn 12)	732.555	386.270	53%	147%
	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14): Thực hiện chi NQ03	5.134.000	2.478.234	48%	372%
	Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/NĐ-CP (Nguồn 18)	228.168	228.168	100%	-



THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
QUÝ 4 NĂM 2024

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU			KINH PHÍ THỰC CHI (ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH)					Ghi chú
STT	MỤC	MÃ NDKT	TỔNG CỘNG		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03, chênh lệch lương cơ sở) (Nguồn 14)	Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/NĐ-CP (Nguồn 18)	
	TỔNG CỘNG							
			6.380.798.800	3.288.125.564	2.478.234.320	228.168.000	386.270.916	
1	6000	Tiền lương	1.236.198.600	1.236.198.600	-		-	
	6001	Lương biên chế	1.236.198.600	1.236.198.600				
2	6050	Tiền công	31.540.000	31.540.000	-	-	-	
	6051	Tiền công LĐTĐ theo HD	31.540.000	31.540.000				
3	6100	Các khoản phụ cấp	908.260.133	535.975.217	-		372.284.916	
	6101	Phụ cấp chức vụ:	22.464.000	22.464.000				
	6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	265.596.118				265.596.118	
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	459.124.298	368.635.500			90.488.798	
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	3.042.000	3.042.000				
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề	141.833.717	141.833.717				
	6157	Hỗ trợ đổi tương chính sách chi học tập					16.200.000	
4	6200	Tiền thưởng	228.168.000	-	-	228.168.000	-	
	6249	Thưởng khác				228.168.000		
5	6300	Các khoản đóng góp	399.636.635	399.636.635	-	-	-	
	6301	BHXH	293.844.375	293.844.375				
	6302	BHYT	51.854.888	51.854.888				
	6303	Kinh phí Công đoàn	28.009.927	28.009.927				
	6304	BH thất nghiệp	17.284.964	17.284.964				

STT	CHỈ TIÊU		Tổng cộng	KINH PHÍ THỰC CHI (ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH)				Ghi chú
	MỤC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI	Kinh phí thực hiện chế độ tự (Nguồn 13)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03, chênh lệch lương cơ sở) (Nguồn 14)	Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/NĐ-CP (Nguồn 18)	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)	
				8.642.481				
6	6400		Các khoản đóng góp khác	-	2.478.234.320		13.986.000	
		6404	Các khoản thanh toán cá nhân					
		6449	Chi tặng thu nhập				-	
7	6600		Chi khác		2.478.234.320		13.986.000	
			Thông tin liên lạc	1.080.000	-	-	-	
		6608	Báo, tạp chí	1.080.000	-			
8	6700		Công tác phí	3.000.000	-		-	
			Khoản công tác phí	3.000.000	-			
9	7000		Chi phí ng. vụ chuyên môn	4.000.000	-		-	
		7004	Đồng phục, trang phục	4.000.000				
10	7950		Chi lập các quỹ của đơn vị	1.076.695.112	-		-	
		7951	Chi lập quỹ bổ sung thu nhập	646.017.067				
		7952	Chi lập quỹ phúc lợi	161.504.267				
		7953	Chi lập quỹ khen thưởng	107.669.511				
		7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	161.504.267				
								

* Ghi chú: Công khai niêm yết trên bảng tin từ ngày.....